

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 436/2025/DS-ST

Ngày: 29/8/2025

V/v “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

2/ Ông Phạm Bá Chương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2859/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1265/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N

Trụ sở: Số A đường T, phường H (trước đây là Phường L, quận H), Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L

Địa chỉ liên lạc: Số D đường L, phường T (trước đây là phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

(có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 1131/UQ-VCB-PC ngày 06/9/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần N và số 1046/UQ-VCB-GDI ngày 21/11/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần N - chi nhánh G)

2. Bị đơn: Bà Lê Mai Hà T - sinh năm 1995

Địa chỉ: Căn hộ A tòa nhà C (Dự án khu dân cư và công viên P), số H đường P, phường L (trước đây là khu phố A, phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2024 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 17/11/2021, bà Lê Mai Hà T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần N đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà T, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Platinum, số tài khoản thẻ VPXXXXXXXXXX với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, ngày bắt đầu sử dụng thẻ 20/12/2021, mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất áp dụng là 15%/năm. Lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch trong kỳ sao kê từ ngày 20/12/2021 đến ngày 20/01/2022 với tổng số tiền là 99.008.000 đồng và thanh toán cho ngân hàng từ ngày 20/01/2022 đến ngày 20/8/2024 với số tiền là 92.576.450 đồng (bao gồm cả vốn gốc, lãi, phí ...). Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T không trả nợ. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/7/2023 ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến thời điểm ngày 29/8/2025 thì bà T còn nợ số tiền 46.549.485 đồng, trong đó nợ gốc là 37.610.040 đồng; nợ lãi là 6.161.305 đồng; phí phát sinh do không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu, phí vượt hạn mức (tính từ ngày 20/8/2024 đến ngày 29/8/2025) là 1.978.140 đồng, phí thường niên 800.000 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần N yêu cầu bà T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/8/2025 là 46.549.485 đồng, trong đó nợ gốc là 37.610.040 đồng; nợ lãi là 6.161.305 đồng; phí phát sinh do không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu, phí vượt hạn mức (tính từ ngày 20/8/2024 đến ngày 29/8/2025) là 1.978.140 đồng, phí thường niên 800.000 đồng.

- Ngoài ra, bà Lê Mai Hà T còn phải thanh toán toàn bộ các khoản lãi và phí phát sinh do không thanh toán đủ số tiền tối thiểu, phí thường niên cho đến khi bà Lê Mai Hà Thanh thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng ngày 17/11/2021 nêu trên.

Số tiền Ngân hàng cho vay là chỉ cho cá nhân bà T vay nên nay ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả nợ.

Bà Lê Mai Hà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.
Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tại đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 17/11/2021, bà T xác định nơi đăng ký thường trú: Tổ 2, khu phố D, thị trấn T, Tây Ninh. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bà T tại căn hộ A tòa nhà chung cư S (Dự án khu dân cư và công viên P), số H đường P, phường L (trước đây là khu phố A, phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh tại Công an phường L thì bà T có hộ khẩu thường trú tại căn hộ A tòa nhà chung cư S (Dự án khu dân cư và công viên P) từ ngày 23/3/2023. Hiện tại bà T không cư ngụ tại địa chỉ trên và ở tại căn hộ A chung cư R, số D đường Đ, phường P, Quận G (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh của Công an phường P thì bà T không đăng ký thường trú, tạm trú, không thực tế cư trú tại đây. Do đó, có căn cứ xác định nơi cư trú của bà T là tại địa chỉ căn hộ A tòa nhà chung cư S (Dự án khu dân cư và công viên P), số H đường P, phường L (trước đây là khu phố A, phường L, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Bà Lê Mai Hà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn bà Lê Mai Hà T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 17/11/2021 bà T đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng và Ngân hàng đã cấp cho bà

T thẻ tín dụng Visa Platinum, số tài khoản thẻ VPXXXXXXXXXXXX với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, lãi suất 15%/năm, lãi quá hạn là 1505 lãi suất trong hạn.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024) và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 99.008.000 đồng. Số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 là 46.549.485 đồng, trong đó nợ gốc là 37.610.040 đồng; nợ lãi là 6.161.305 đồng; phí phát sinh do không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu, phí vượt hạn mức (tính từ ngày 20/8/2024 đến ngày 29/8/2025) là 1.978.140 đồng, phí thường niên 800.000 đồng. Do bà T đã vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên nay Ngân hàng yêu cầu bà Thanh thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 là 46.549.485 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, bà T còn phải thanh toán toàn bộ các khoản lãi và phí phát sinh do không thanh toán đủ số tiền tối thiểu, phí thường niên cho đến khi bà T thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng ngày 17/11/2021 nêu trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.327.474 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N:

Buộc bà Lê Mai Hà T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 của hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 17/11/2021, loại thẻ Visa Platinum, số tài khoản thẻ VPXXXXXXXXXX với số tiền nợ gốc là 37.610.040 (ba mươi bảy triệu sáu trăm mười ngàn không trăm bốn mươi) đồng; nợ lãi là 6.161.305 (sáu triệu một trăm sáu mươi một ngàn ba trăm lẻ năm) đồng; phí phát sinh do không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu, phí vượt hạn mức (tính từ ngày 20/8/2024 đến ngày 29/8/2025) là 1.978.000 (một triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn) đồng, phí thường niên 800.000 (tám trăm ngàn) đồng. Tổng số tiền bà Lê Mai Hà T phải thanh toán là 46.549.485 (bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Mai Hà T còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký nêu trên.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Mai Hà T phải nộp 2.327.474 (hai triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm bảy mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí 998.796 (chín trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm chín mươi sáu) đồng Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0067826 ngày 06/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Mai Hà T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thủy

